

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Lạng Sơn, tháng 08 năm 2022

M.S.D.A.





Số: 207/2022/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã nêu tại thuyết minh 11 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình của Công ty đang phản ánh trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2022 là 14.741.085.383 đồng. Hiện tại hầu như toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng đã dừng sản xuất trong thời gian dài. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty đã và đang thực hiện bảo dưỡng các máy móc thiết bị và làm thủ tục xin cấp giấy phép để tiếp tục thực hiện khai thác và kinh doanh mỏ đá, đảm bảo các tài sản cố định có thể đưa vào sử dụng bình thường và mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

Như đã nêu tại thuyết minh 4.1 trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác mỏ đang tạm dừng, mặc dù kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty có lãi nhưng số lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2022 là 5,2 tỷ đồng, chiếm 13,76% Vốn Điều lệ. Các giải pháp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty để khắc phục khó khăn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh 4.2. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề các nhân mạnh nêu trên.



**Vũ Bình Minh**  
**Tổng giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0034-2018-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**MẪU SỐ B01a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022		01/01/2022	
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>78.927.583.400</b>		<b>8.600.932.524</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>97.406.218</b>		<b>10.408.615</b>	
1. Tiền	111	5	97.406.218		10.408.615	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.457.002.734</b>		<b>5.550.044.750</b>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.256.303.830		4.923.180.921	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.560.824.182		214.904.279	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.552.000.000		1.708.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		87.874.722		4.044.750	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-		(1.300.085.200)	
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>26.092.209.817</b>		<b>410.317</b>	
1. Hàng tồn kho	141	9	26.092.209.817		410.317	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.280.964.631</b>		<b>3.040.068.842</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		27.120.835		-	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.253.843.796		3.040.068.842	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.132.293.970</b>		<b>26.208.120.385</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.132.293.970</b>		<b>19.297.374.930</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.741.085.383		15.830.513.939	
- Nguyên giá	222		29.673.994.915		29.673.994.915	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.932.909.532)		(13.843.480.976)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.391.208.587		3.466.860.991	
- Nguyên giá	228		4.236.534.500		4.236.534.500	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(845.325.913)		(769.673.509)	
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-		<b>6.910.745.455</b>	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-		6.910.745.455	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>97.059.877.370</b>		<b>34.809.052.909</b>	

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

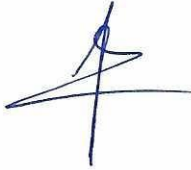
**MẪU SỐ B01a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022		01/01/2022	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>64.294.085.558</b>		<b>11.113.650.969</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.294.085.558</b>		<b>11.113.650.969</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	56.901.802.937		513.638.952	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	837.386.876		837.386.876	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	396.823.045		1.070.496.197	
4. Phải trả người lao động	314		712.239.298		946.637.626	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		216.000.000		190.473.637	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.115.832.321		3.036.394.229	
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	2.114.001.081		4.518.623.452	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>32.765.791.812</b>		<b>23.695.401.940</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>32.765.791.812</b>		<b>23.695.401.940</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.000.000.000		38.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.000.000.000		38.000.000.000	
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.234.208.188)		(14.304.598.060)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.304.598.060)		(14.554.462.981)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.070.389.872		249.864.921	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>97.059.877.370</b>		<b>34.809.052.909</b>	

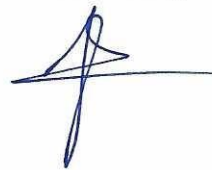
Lạng Sơn, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Sơn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**MẪU SỐ B02a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	44.534.655.492	1.500.000.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>44.534.655.492</b>	<b>1.500.000.000</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	32.129.217.970	283.581.455
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>12.405.437.522</b>	<b>1.216.418.545</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		75.902	39.831
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	1.919.719.206	523.375.130
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>10.485.794.218</b>	<b>693.083.246</b>
11. Thu nhập khác	31	22	6.908.875.101	-
12. Chi phí khác	32	23	8.324.279.447	1.335.559.856
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(1.415.404.346)</b>	<b>(1.335.559.856)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>9.070.389.872</b>	<b>(642.476.610)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>9.070.389.872</b>	<b>(642.476.610)</b>
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	25	<b>2.387</b>	<b>(169)</b>

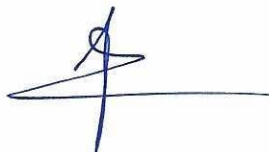
Lạng Sơn, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Sơn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**MẪU SỐ B03a - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.070.389.872	(642.476.610)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.165.080.960	1.394.239.902
- Các khoản dự phòng	03	(1.300.085.200)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(75.902)	(39.831)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.935.309.730	751.723.461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.909.902.283)	(1.135.534.261)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.091.799.500)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	55.585.056.960	538.565.951
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(27.120.835)	(224.901.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.491.544.072</b>	<b>(70.146.258)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.902	39.831
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>75.902</b>	<b>39.831</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.303.443.872	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.708.066.243)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.404.622.371)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>86.997.603</b>	<b>(70.106.427)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.408.615	77.211.482
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	97.406.218	7.105.055


Lạng Sơn, ngày 13 tháng 8 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Sơn

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hoạt động theo các Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4900270327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 18/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 07/06/2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên thị trường đăng ký giao dịch (Upcom) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 03/08/2022 với mã chứng khoán là HPM.

Trụ sở chính của Công ty tại phường Khu 6, Thị trấn Nà Sầm, Huyện Văn Lãng, Tỉnh Lạng Sơn

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than non;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt; đường bộ; công trình điện; công trình cấp thoát nước; công trình viễn thông, thông tin liên lạc; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo; công trình công ích khác; công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nhựa đường trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhựa đường trong xây dựng.
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng kinh doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, tình hình tài chính của Công ty đang gặp một số khó khăn như hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác mỏ đang tạm dừng, mặc dù kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty có lãi nhưng số lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2022 là 5,2 tỷ đồng, chiếm 13,76% Vốn Điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã có sự thay đổi về cơ cấu cổ đông và phần lớn Ban Lãnh đạo cấp cao theo đó với định hướng của Ban lãnh đạo mới, Công ty thực hiện khôi phục lại hoạt động sản xuất, khai thác tại mỏ đá vôi Lũng Cù, mở rộng ngành nghề kinh doanh thiết bị y tế. Ngoài ra, Ban Giám đốc đã nhận được cam kết của các cổ đông và các bên liên quan trong việc sẽ gia hạn các khoản nợ, vay đến hạn trả, đồng thời tiếp tục hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm duy trì hoạt động liên tục của Công ty trong thời gian tới. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

**4.2 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**4.4 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

#### **4.5 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

#### **4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 28
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

#### **4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là tiền chi ra cho đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ để có quyền sử dụng 39.459,6 m<sup>2</sup> đất tại thôn Lũng Cùn, xã Hoàng Việt, huyện Văn Lãng tỉnh Lạng Sơn với thời gian sử dụng 30 năm (đến ngày 27/10/2045).

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Năm</b>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	28

#### **4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước là tiền cấp quyền khai thác mỏ đá vôi được phân bổ theo thời gian khai thác còn lại của mỏ đá.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng hoặc thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

#### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

#### **4.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính và vay vốn theo phương thức phát hành trái phiếu thường (không có quyền chuyển đổi).

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

#### **4.12 Ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả điều kiện sau:***

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Bao gồm lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia; và lãi kinh doanh chứng khoán... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

**Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

#### **4.13 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế tài nguyên phải nộp trong năm liên quan đến hoạt động khai thác đá xây dựng được tính trên cơ sở sản lượng đá khai thác, giá tính thuế đơn vị và thuế suất thuế tài nguyên 10%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phí bảo vệ môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản phải nộp trong năm được tính dựa trên số lượng đá khai thác trong năm, mức phí tính trên một m<sup>3</sup> đá khai thác và hệ số tính phí theo phương pháp khai thác.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

## 5. TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	97.406.218	10.408.615
<b>Cộng</b>	<b>97.406.218</b>	<b>10.408.615</b>

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Vinatrading	42.265.042.721	-
Ông Vũ Ngọc Viên	2.961.261.109	-
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	30.000.000	74.000.000
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	-	3.764.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thăng Long LS	-	1.085.180.921
<b>Cộng</b>	<b>45.256.303.830</b>	<b>4.923.180.921</b>

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Khoản phải thu từ cho vay với Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc (bên liên quan) theo hợp đồng cho vay tiền ngày 23/11/2020, số tiền cho vay: 1.750.000.000 đồng, thời hạn cho vay 6 tháng với lãi suất 0%. Mục đích sử dụng vốn vay: Chi dùng cho hoạt động kinh doanh nhằm mang lại nguồn doanh thu cho Công ty; chi trả các khoản thuế, phí cho nhà nước; chi trả chi phí cố định; chi trả lương cho cán bộ nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn khác. Đến thời điểm hiện tại, hai bên đang làm việc về kế hoạch trả nợ vay, theo đó Ban giám đốc Công ty tin tưởng không có rủi ro trong việc thu hồi khoản cho vay nêu trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Nội thất T&T	2.141.698.925	-
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	803.443.872	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vân Hà	288.000.000	-
Báo Tiền Phong	216.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Cổ Kênh	-	214.904.279
Nhà cung cấp khác	1.681.385	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.560.824.182</u></b>	<b><u>214.904.279</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	410.317	-	410.317	-
Hàng hoá	26.091.799.500	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>26.092.209.817</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>410.317</u></b>	<b><u>-</u></b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2022	4.236.534.500	4.236.534.500
Tại ngày 30/06/2022	4.236.534.500	4.236.534.500
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2022	769.673.509	769.673.509
Khấu hao trong kỳ	75.652.404	75.652.404
Tại ngày 30/06/2022	845.325.913	845.325.913
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	3.466.860.991	3.466.860.991
Tại ngày 30/06/2022	3.391.208.587	3.391.208.587

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MÃU SỐ B09a - DN**

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		TSCĐ khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>								
Tại ngày 01/01/2022	10.688.734.577	18.947.260.338	38.000.000	29.673.994.915				
Tại ngày 30/06/2022	10.688.734.577	18.947.260.338	38.000.000	29.673.994.915				
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>								
Tại ngày 01/01/2022	3.592.237.321	10.213.243.655	38.000.000	13.843.480.976				
Khấu hao trong kỳ	161.693.262	927.735.294	-	1.089.428.556				
Tại ngày 30/06/2022	3.753.930.583	11.140.978.949	38.000.000	14.932.909.532				
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>								
Tại ngày 01/01/2022	7.096.497.256	8.734.016.683	-	15.830.513.939				
Tại ngày 30/06/2022	6.934.803.994	7.806.281.389	-	14.741.085.383				
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	2.057.657.305	911.190.909	38.000.000	3.006.848.214				

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình của Công ty đang phản ánh trên Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2022 là 14.741.085.383 đồng. Hiện tại hầu như toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng đã dùng sản xuất trong thời gian dài. Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Công ty đã và đang thực hiện bảo dưỡng các máy móc thiết bị và làm thủ tục xin cấp giấy phép để tiếp tục thực hiện khai thác và kinh doanh mỏ đá, đảm bảo các tài sản cố định có thể đưa vào sử dụng bình thường và mang lại lợi ích kinh tế cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Phát triển Y tế Việt Nam	56.262.460.885	56.262.460.885	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Thăng Long	635.268.000	635.268.000	512.979.000	512.979.000
Nhà cung cấp khác	4.074.052	4.074.052	659.952	659.952
<b>Cộng</b>	<b>56.901.802.937</b>	<b>56.897.728.885</b>	<b>513.638.952</b>	<b>513.638.952</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số phải nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Thuế thu nhập cá nhân	187.174	122.099.750	22.353.750	99.933.174				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	29.296.527	14.939.352	21.107.112	23.128.767				
Thuế Bảo vệ môi trường	15.165.642	-	-	15.165.642				
Phí cấp quyền khai thác và thuế môn bài	565.664.439	227.901.409	793.565.848	-				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	460.182.415	-	201.586.953	258.595.462				
<b>Cộng</b>	<b>1.070.496.197</b>	<b>364.940.511</b>	<b>1.038.613.663</b>	<b>396.823.045</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	Trong kỳ					
	30/06/2022		01/01/2022			
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ông Lê Thanh Hồng (i)	499.085.312	-	2.303.443.872	1.804.358.560	-	-
Ông Zhang Zheng Ming	-	-	-	2.834.962.062	2.834.962.062	2.834.962.062
Bà Phạm Thị Tính (ii)	1.614.915.769	1.614.915.769	-	68.745.621	1.683.661.390	1.683.661.390
<b>Cộng</b>	<b>2.114.001.081</b>	<b>1.614.915.769</b>	<b>2.303.443.872</b>	<b>4.708.066.243</b>	<b>4.518.623.452</b>	<b>4.518.623.452</b>

(i) Khoản vay ông Lê Thanh Hồng (bên liên quan) theo Hợp đồng cho vay vốn lưu động số 04/2022/HĐVV-HPM ngày 25/04/2022, số tiền vay là 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 0%. Mục đích của khoản vay để thanh toán chi tiêu thường xuyên của Công ty.

(ii) Là các khoản vay ngắn hạn của Bà Phạm Thị Tính theo Hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2019, số tiền vay là 1.683.661.390 đồng, thời hạn vay là 3 tháng kể ngày 16/10/2019, lãi suất 0%. Mục đích của khoản vay để chi dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chi trả các khoản thuế, phí cho Nhà nước, chi trả các chi phí cố định và chi trả lương cho cán bộ công nhân viên và chi trả các khoản nợ đến hạn trả khác. Do hoạt động của Công ty khó khăn nên Bà Phạm Thị Tính cam kết chưa yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay nói trên trong thời gian tới (ít nhất là 12 tháng) hoặc cho đến khi Công ty có đủ nguồn tiền để thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Cửu Long tại Lạng Sơn	830.756.876	830.756.876
Khách hàng khác	6.630.000	6.630.000
<b>Cộng</b>	<b><u>837.386.876</u></b>	<b><u>837.386.876</u></b>

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Logistics Quốc tế Bắc Giang	3.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Tính	-	638.831.837
Ông Zhang Zheng Ming	-	100.000.000
Bà Phạm Thị Phương	-	2.246.758.630
Các khoản bảo hiểm	35.843.618	1.652.818
Phải trả các đối tượng khác	79.988.703	49.150.944
<b>Cộng</b>	<b><u>3.115.832.321</u></b>	<b><u>3.036.394.229</u></b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	38.000.000.000	(14.554.462.981)	23.445.537.019
Lãi trong năm	-	249.864.921	249.864.921
Tại ngày 01/01/2022	<u>38.000.000.000</u>	<u>(14.304.598.060)</u>	<u>23.695.401.940</u>
Lãi trong kỳ	-	9.073.924.255	9.073.924.255
Tại ngày 30/06/2022	<u>38.000.000.000</u>	<u>(5.230.673.805)</u>	<u>32.769.326.195</u>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	5.697.000.000	14,99%	19.760.000.000	52,00%
Ông Lê Thanh Hồng	9.183.000.000	24,17%	6.000.000	0,02%
Ông Lê Văn Thành	8.324.000.000	21,91%	-	-
Ông Nguyễn Cao Đăng	5.312.000.000	13,98%	-	-
Ông Trịnh Anh Tuấn	3.800.000.000	10,00%	-	-
Ông Nguyễn Đức Hưng	1.935.000.000	5,09%	-	-
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	-	-	9.500.000.000	25,00%
Vốn góp của các cổ đông khác	3.749.000.000	10%	8.734.000.000	22,98%
<b>Cộng</b>	<b><u>38.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>38.000.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.800.000	3.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.800.000	3.800.000
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	201,32	201,32
- CNY	88,54	88,54

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán vật tư y tế	44.534.655.492	-
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>44.534.655.492</b>	<b>1.500.000.000</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán vật tư y tế	32.129.217.970	-
Giá vốn cho thuê tài sản	-	283.581.455
<b>Cộng</b>	<b>32.129.217.970</b>	<b>283.581.455</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	1.435.280.000	429.987.747
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.300.085.200)	-
Thuế, phí lệ phí	17.939.352	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	653.918.920	62.470.180
Chi phí khác bằng tiền	1.112.666.134	27.917.203
<b>Cộng</b>	<b>1.919.719.206</b>	<b>523.375.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án trạm trộn bê tông	6.908.575.101	-
Các khoản khác	300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.908.875.101</b>	<b>-</b>

**23. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Giá trị chi phí xây dựng dở dang của trạm trộn bê tông	6.908.495.101	-
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ	144.931.840	224.901.409
Khấu hao tài sản ngừng hoạt động	1.165.080.960	1.110.658.447
Các khoản nộp phạt vi phạm hành chính và thuế	22.997.288	-
Các khoản khác	82.774.258	-
<b>Cộng</b>	<b>8.324.279.447</b>	<b>1.335.559.856</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	9.070.389.872	(642.476.610)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	1.496.021.198	1.335.559.856
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.566.411.070</b>	<b>693.083.246</b>
Lỗi được kết chuyển	10.566.411.070	693.083.246
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.070.389.872	(642.476.610)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>9.070.389.872</b>	<b>(642.476.610)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.800.000	3.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.387</b>	<b>(169)</b>

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh Công cụ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B09a - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

	<b>Giá trị ghi sổ 30/06/2022</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.406.218	10.408.615
Phải thu của khách hàng	45.256.303.830	4.923.180.921
Phải thu khác	87.874.722	4.044.750
<b>Cộng</b>	<b>45.441.584.770</b>	<b>4.937.634.286</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	56.901.802.937	513.638.952
Phải trả khác	3.079.988.703	3.036.394.229
Vay và nợ thuê tài chính	2.114.001.081	4.518.623.452
<b>Cộng</b>	<b>62.095.792.721</b>	<b>8.068.656.633</b>
Trừ đi các khoản dự phòng	-	(1.300.085.200)

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

#### **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng và phải thu khác

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	<u>Đến 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>
	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>		
Phải trả người bán	56.897.978.915	-
Phải trả khác	79.988.703	-
Vay và nợ thuê tài chính	2.114.001.081	-
<b>Cộng</b>	<b>59.091.968.699</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>		
Phải trả người bán	513.638.952	-
Phải trả khác	3.036.394.229	-
Vay và nợ thuê tài chính	4.518.623.452	-
<b>Cộng</b>	<b>8.068.656.633</b>	<b>-</b>

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc	Cổ đông lớn sở hữu 15% vốn điều lệ tại thời điểm 30/06/2022. Công ty mẹ của Công ty đến ngày 28/01/2022
Công ty TNHH Y học cổ truyền Taytang	Cổ đông lớn sở hữu 25% vốn điều lệ đến ngày 21/01/2022

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
		VND	VND
Ông Lê Thanh Hồng	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	-
Ông Nguyễn Trường Sơn	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	250.178.000	-
Ông Lê Văn Thành	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Phạm Đức Thắng	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Nguyễn Cao Đăng	Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Wang De Rong	Phó Tổng giám đốc	137.714.000	-
Ông Đinh Văn Đức	Phó Tổng giám đốc	20.012.375	-

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.


**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán chuyển sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được soát xét.

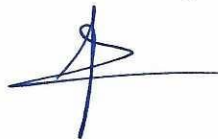
Lạng Sơn, ngày 13 tháng 08 năm 2022

Người lập



Đỗ Mạnh Hùng

Kế toán trưởng



Đỗ Mạnh Hùng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trương Sơn

1.C.P.1

1.H.1